

Bản án số: 349/2019/HS-PT
Ngày: 23-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 242/2019/HSPT ngày 18 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Thị M và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và có kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 03-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Võ Thị Bích N; sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 52/5L ấp N1, xã N1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 68/7A ấp N3, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: nữ; con ông Võ Văn N4 (chết) và bà Đỗ Thị N5; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 04 người con (sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 10/4/2018, bị Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình hoặc phương tiện, tụ điểm khác để chứa bạc” với số tiền 7.500.000 đồng (theo Quyết định số: 1003/QĐ-XPVPHC ngày 10/4/2018).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trương Thị Thu L; sinh năm 1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Ấp 10, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, Tổ 4, ấp L1, xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán giày dép; trình độ văn hóa: 6/12; giới tính: nữ; con ông Trương Văn L3 (chết) và bà Lý Thị L4; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 08/12/2017, bị Công an xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” với số tiền 1.500.000 đồng (theo Quyết định số: 19879/QĐ-XPVPHC).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 28/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Phạm Thị M; giới tính: nữ; sinh năm 1969 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 84/2 ấp M1, xã M2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên xe buýt; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm Văn M3 (chết) và bà Phạm M4 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 người con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 06/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị B; giới tính: nữ; sinh năm 1970 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký thường trú: 94/1Q ấp B1, xã N1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, ấp B2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; con ông Phạm Trọng B3 (chết) và bà Phạm Thị B4 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 05 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Thị Hồng V; giới tính: nữ; sinh năm 1986 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi đăng ký thường trú: 33/7 ấp V1, xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 02/12; con ông Nguyễn Văn V2 và bà Nguyễn Thị V3; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (theo Bản án số: 34/2014/HSST ngày 09/12/2014), đến ngày 25/8/2015 bị cáo chấp hành xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

4. Vũ Thị Kim D; giới tính: nữ; sinh năm 1972 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú: 345/53 D1, phường D2, Quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 37/2A ấp D4, xã N1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Vũ Văn D5 và bà Nguyễn Thị D6; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. Đoàn Ngọc E; giới tính: nữ; sinh năm 1977 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: ấp E1, xã E2, huyện E3, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: 27/2P Ấp 3, xã E4, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Đoàn Văn E5 và bà Trần Thị E6; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 04 người con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Lê Thị K; giới tính: nữ; sinh năm 1963 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Tổ 16, khóm K1, phường K2, thành phố K3, tỉnh An Giang; chỗ ở: 27/2C Ấp 3, xã E4, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; con ông Lê Văn K4 (chết) và bà Nguyễn Thị K5 (chết); bị cáo có chồng (chết) và 01 người con (sinh năm 1990); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Trần Thị Ánh H (tên gọi khác: Trần Thị H1); giới tính: nữ; sinh năm 1962 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: Khóm 1, Phường 1, thị xã H2, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: 12/6R Tổ 6, ấp H3, xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hóa: 02/12; con ông Trần Văn H3 (chết) và bà Nguyễn Thị H4 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 người con; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Huỳnh Thị Ánh O; giới tính: nữ; sinh năm 1972 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: 480/39 O1, Phường O2, Quận O3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 34/1I ấp O4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ may gia công; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Huỳnh Phước O5 (chết) và bà Nguyễn Thị O6; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 người con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Thị Mộng Đ; giới tính: nữ; sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 123/2 Khu phố 2A, phường Đ1, Quận Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ làm móng tay; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Nguyễn Văn Đ3 và bà Phạm Thị Đ4; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 người con (sinh năm 2009); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

10. Trần Thị Thùy T; giới tính: nữ; sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 27/1 ấp T2, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ may gia công; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trần Văn T3 (chết) và bà Nguyễn Thị T4 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 người con (sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

11. Võ Văn P; giới tính: nam; sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 33/7 ấp P1, xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Võ Văn P2 và bà Huỳnh Thị P3; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 người con (sinh năm 2011); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

12. Phạm Thị Anh R, giới tính: nữ; sinh năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 493/139C R1, Phường R2, Quận R3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Nhà không số, Tổ 79, ấp R4, xã R5, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm Công R6 (chết) và bà Phạm Thị R7; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018, đến ngày 05/5/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị Bích N đã nhờ Phạm Thị B tìm địa điểm để đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền và ngày 23/4/2018, Nga có đưa cho B tiền xâu 1.300.000 đồng để trả tiền thuê nhà đánh bạc tại căn nhà ở địa chỉ số: 84/2 ấp M1, xã M2, huyện H do Phạm Thị M làm chủ. Ngày 26/4/2018, N hùn vốn làm cái với Trương Thị Thu L.

Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 26/4/2018, tại lầu 01 căn nhà ở địa chỉ số: 84/2 ấp M1, xã M2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an xã M2, huyện H tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Võ Thị Bích N và Trương Thị Thu L đứng ra làm cái đánh bạc bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào 03 lá. Tại thời điểm bắt quả tang, có Nguyễn Thị Hồng V, Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R tham gia đánh bạc đặt tụ và bón ké mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và số tiền thu giữ tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang là 8.400.000 đồng. Đối với khoản tiền xâu theo quy ước thì sau mỗi ván bài, nếu nhà cái thắng tất cả các con bạc hoặc bài được ba tây (ba cào) thì lấy tiền xâu là 100.000 đồng. Và trong ngày 26/4/2018, N đưa tiền xâu cho Bình 02 lần, mỗi lần 100.000 đồng để đi mua nước cho các đối tượng đánh bạc.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 03-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị M;

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị B;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Thị Bích Nga, Trương Thị Thu L;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng V;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R;

Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: các bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị B phạm tội “Gá bạc”.

Tuyên bố: các bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L, Nguyễn Thị Hồng V, Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị M 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Võ Thị Bích N 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 05/5/2018.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị Thu L 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành hình phạt, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 28/4/2018.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Hồng V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Kim D 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Đoàn Ngọc E 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Ánh H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Ánh O 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Mộng Đ 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Thùy T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Võ Văn P 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị Anh R 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn tù được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/5/2019 Tòa án xét xử sơ thẩm thì cùng ngày 15/5/2019, bị cáo Võ Thị Bích N kháng cáo xin chuyển hình phạt chính là phạt tù sang hình phạt tiền, bị cáo Trương Thị Thu L kháng cáo xin được hưởng án treo. Đến ngày 31/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 29/QĐ-VKS-P7 ngày 31/5/2019 đối với bản án nêu trên. Theo đó, kháng nghị một phần bản án gồm có Phần “Nhận định của Tòa án” về mức tiền phạt bổ sung và Phần “Quyết định” của bản án có áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo trong vụ án nhưng không tuyên mức phạt tiền cụ thể đối với từng bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Võ Thị Bích N và bị cáo Trương Thị Thu L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

- Tất cả các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện và đều xác nhận đã nhận được Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 29/QĐ-VKS-P7 ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả

hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Bích N, bị cáo Trương Thị Thu L; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt bổ sung đối với Phạm Thị M, Phạm Thị B mỗi bị cáo phải nộp 20.000.000 đồng và xử phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Trong phần tranh luận, bị cáo N, bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh của bị cáo và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền thì tất cả các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, riêng bị cáo B và bị cáo Hồng cho rằng hoàn cảnh của hai bị cáo này rất khó khăn, không có tiền để nộp phạt bổ sung nên đề nghị miễn giảm hình phạt bổ sung này cho hai bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của bị cáo Bình và bị cáo Hồng khi quyết định xử phạt theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Võ Thị Bích N đã nhờ Phạm Thị B tìm địa điểm để đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền và ngày 23/4/2018, Nga có đưa cho B tiền xâu 1.300.000 đồng để trả tiền thuê nhà đánh bạc tại căn nhà ở địa chỉ số: 84/2 ấp M1, xã M2, huyện H do Phạm Thị M làm chủ. Ngày 26/4/2018, N hùn vốn làm cái với Trương Thị Thu L.

Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 26/4/2018, tại lầu 01 căn nhà ở địa chỉ số: 84/2 ấp M1, xã M2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Võ Thị Bích N và Trương Thị Thu L đứng ra làm cái đánh bạc bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào 03 lá. Tại thời điểm bắt quả tang, có Nguyễn Thị Hồng V, Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R tham gia đánh bạc đặt tụ và bón ké mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và số tiền thu giữ tại chiếu bạc khi bị bắt quả tang là 8.400.000 đồng. Đối với khoản tiền xâu theo quy ước thì sau mỗi ván bài, nếu nhà cái thắng tất cả các con bạc hoặc bài được ba tây (ba cào) thì lấy tiền xâu là 100.000 đồng. Và trong ngày 26/4/2018, Nga đưa tiền xâu cho Bình 02 lần, mỗi lần 100.000 đồng để đi mua nước cho các đối tượng đánh bạc.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xét xử bị cáo Phạm Thị M và Phạm Thị B về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1

Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và xét xử các bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L, Nguyễn Thị Hồng V, Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Ngày 03/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm, thì đến cùng ngày 15/5/2019 các bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L có đơn kháng cáo và ngày 31/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị. Xét thấy đơn kháng cáo của bị cáo N, bị cáo L và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định.

[3] Xét kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án gồm có Phần “Nhận định của Tòa án” về mức tiền phạt bổ sung và Phần “Quyết định” của bản án có áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo trong vụ án nhưng không tuyên mức phạt tiền cụ thể đối với từng bị cáo, nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần nhận định và áp dụng pháp luật cho đúng quy định tại khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bản án hình sự sơ thẩm gốc số: 61/2019/HS-ST ngày 03/5/2019 do Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có nhận định cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và xác định rõ số tiền mỗi bị cáo phải nộp là 5.000.000 đồng và trong phần Quyết định của bản án gốc này cũng áp dụng khoản 3 Điều 321; khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng trong phần xử phạt lại không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có sự mâu thuẫn giữa nhận định, áp dụng luật với xử phạt bổ sung. Trong vụ án này bị cáo M phạm tội “Gá bạc”, các bị cáo N, L, V, D, E, K, O, Đ, T, P và R phạm tội “Đánh bạc”, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Nga, Loan cùng mức án là 10 tháng tù và các bị cáo M, V, D, E, K, O, Đ, T, P và R bị xử phạt tù từ 07 tháng đến 09 tháng nhưng cho hưởng án treo mà không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nêu trên là có phần nhẹ nên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án đối với tất cả các bị cáo nêu trên là có căn cứ. Riêng đối với bị cáo B không phải là chủ nhà nơi thực hiện hành vi đánh bạc và bản thân bị cáo cũng không thu lợi từ hành vi gá bạc, còn đối với bị cáo H đã lớn tuổi, bản thân là người bán vé số dạo, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo này.

Xét đối với Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án: Ngày 30/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 12/2019/TB-TA về việc sửa chữa, bổ sung Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 03-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện H, nhưng việc

sửa chữa, bổ sung ghi trong thông báo này không thuộc trường hợp có lỗi rõ ràng về chính tả, số liệu do nhầm lẫn hoặc do tính toán sai, do đó Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 12/2019/TB-TA nêu trên không đúng theo quy định tại Điều 261 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên không có cơ sở chấp nhận.

Do vậy, như đã phân tích ở trên, có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo M, N, L, V, D, E, K, O, Đ, T, P và R.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Võ Thị Bích N và bị cáo Trương Thị Thu L:

Bị cáo N và bị cáo L đã có hành vi tham gia đánh bạc với vai trò làm cái, trực tiếp ăn thua bằng tiền với các đối tượng khác. Hành vi của hai bị cáo này là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với hai bị cáo. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo N và bị cáo L đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo N bị bệnh thoái hóa khớp gối, thoát vị đĩa đệm cột sống; bị cáo L có con nhỏ sinh năm 2017, ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên thì hai bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ nào thêm.

Mặc dù 02 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu trên nhưng cả 02 bị cáo này đều có nhân thân xấu, đó là vào ngày 10/4/2018, bị cáo N bị Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền 7.500.000 đồng về hành vi “Dùng nhà, chỗ ở của mình hoặc phương tiện, tụ điểm khác để chứa bạc”; ngày 08/12/2017 bị cáo L bị Công an xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi phạm hành chính là phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. Xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo L và bị cáo N là tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của hai bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo này.

[5] Tòa án cấp phúc thẩm ngoài xem xét nội dung bản án bị kháng cáo, bị kháng nghị như đã nêu ở trên thì còn xem xét đến phần khác của bản án không bị kháng cáo, bị kháng nghị:

Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 03-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử phạt các bị cáo M, B, V, D, E, K, H, O, Đ, T, P và R hình phạt tù từ 07 tháng đến 09 tháng nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ mới xác định đúng thời gian

thử thách, nhưng chưa xác định thời điểm tính thời gian thử thách là thiếu sót, cần phải sửa chữa để có cơ sở cho việc thi hành án.

Đối với tội “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm năm, đây là khung hình phạt thấp nhất của Điều luật. Nhưng Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2019/HS-ST ngày 03-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo Phạm Thị B 07 tháng tù mà không ghi rõ lý do của việc giảm nhẹ trong bản án này là thiếu sót. Mặc dù vậy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; trình độ học vấn thấp (3/12) nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là mức thấp nhất nên cần phải áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng phải nằm trong mức tối thiểu và mức tối đa của hình phạt tù có thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị M;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Thị B;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng V;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị Ánh H;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Võ Thị Bích N, Trương Thị Thu L; sửa bản án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Võ Thị Bích N 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 05/5/2018.

Xử phạt bổ sung: Võ Thị Bích N phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị Thu L 10 (mười) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 28/4/2018.

Xử phạt bổ sung: Trương Thị Thu L phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị M 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị M về Ủy ban nhân dân xã M2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Phạm Thị M phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị B 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị B về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Hồng V 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án

sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng V về Ủy ban nhân dân xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Nguyễn Thị Hồng V phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Vũ Thị Kim D 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Vũ Thị Kim D về Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Vũ Thị Kim D phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Đoàn Ngọc E 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Đoàn Ngọc E về Ủy ban nhân dân xã E4, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Đoàn Ngọc E phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị K 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Thị K về Ủy ban nhân dân xã M2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Lê Thị K phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Ánh H 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Ánh H về Ủy ban nhân dân xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Thị Ánh O 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Huỳnh Thị Ánh O về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Huỳnh Thị Ánh O phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Mộng Đ 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Mộng Đ về Ủy ban nhân dân phường Đ1, Quận Đ2, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Nguyễn Thị Mộng Đ phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Trần Thị Thùy T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trần Thị Thùy T về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Trần Thị Thùy T phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Võ Văn P 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Võ Văn P về Ủy ban nhân dân xã L2, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Võ Văn P phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị Anh R 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Thị Anh R về Ủy ban nhân dân xã R5, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú quản lý, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Xử phạt bổ sung: Phạm Thị Anh R phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Võ Thị Bích N phải nộp án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng);

Bị cáo Trương Thị Thu Loan phải nộp án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng);

Các bị cáo Phạm Thị M, Phạm Thị B, Nguyễn Thị Hồng V, Vũ Thị Kim D, Đoàn Ngọc E, Lê Thị K, Trần Thị Ánh H, Huỳnh Thị Ánh O, Nguyễn Thị Mộng Đ, Trần Thị Thùy T, Võ Văn P và Phạm Thị Anh R không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND H. Hóc Môn; (1)

- P.PC 53 – CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (14)
- Trại giam; (2)
- Thi hành án H. Hóc Môn; (2)
- TAND H. Hóc Môn; (2)
- Công an H. Hóc Môn; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (14)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, Hồ sơ (47). (4)

Ngô Ngọc Thắng